

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2020/KDTM-ST

Ngày: 15/12/2020

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

Thư ký Tòa án: Ông Hà Văn Đoàn, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST-KDTM ngày 23/7/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2020/QĐXXST-KDTM ngày 03/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 290/2020/QĐST-KDTM ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T.

Địa chỉ: 46 - 48 đường N, phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)
- Bà Phạm Thị Ánh D, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 46 - 48 đường N, phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F

Địa chỉ: 274/8/4 Quốc Lộ X, khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Diệp Thanh V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T có đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị Ánh D trình bày:

Vào ngày 24/4/2019, Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 330/2019/HĐKT/TGN và ngày 26/7/2019, Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 696/2019/HĐKT/TGN, với nội dung nguyên đơn bán cho bị đơn số lượng hàng hóa là bê tông thương phẩm.

Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung cấp bê tông cho bị đơn như thỏa thuận từ tháng 05/2019 đến tháng 04/2020 và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn làm cơ sở thanh toán; với số tiền bê tông đã cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là 611.565.000 đồng và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 300.000.000 đồng và ngưng không thực hiện tiếp số tiền gốc còn lại là 311.565.000 đồng. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn thiếu là 311.565.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng là 1,5%/tháng (nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi chậm trả thanh toán theo lãi suất 8%/năm) tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/12/2020 với số tiền là 28.287.190 đồng; tổng cộng số tiền là 339.852.190 đồng.

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F – người đại diện theo pháp luật ông Diệp Thanh V (vắng mặt không có lời khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tác tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F có địa chỉ trụ sở chính tại: 274/8/4 Quốc Lộ X, khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đền ngày 02/7/2020 và các chứng cứ kèm theo của Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa; được pháp luật quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F có người đại diện theo pháp luật là ông Diệp Thanh V nhân danh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T. Căn cứ Điều 79 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng gắn kết với địa chỉ của pháp nhân theo địa chỉ của pháp nhân tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F tại địa chỉ trụ sở chính là 274/8/4 Quốc Lộ X, khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, không cần tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của cá nhân là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F; bởi lẽ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”. Tòa án đã thực hiện việc thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F. Nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đó đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Nguyên đơn Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T ủy quyền cho ông Phạm Văn T1, bà Phan Thị Ánh D tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ông T1, bà D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn thiếu là 311.565.000 đồng và tiền lãi tạm tính (8%/năm) đến ngày 15/12/2020 là 28.287.190 đồng; tổng cộng số tiền là 339.852.190 đồng.

[2.1]. Về số tiền gốc còn thiếu là 311.565.000 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 330/2019/HĐKT/TGN (v/v cung cấp bê tông thương phẩm) ngày 24/4/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung: ... “bê tông thương phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Công ty CP siêu thị vật liệu xây dựng T: Bê tông thương phẩm (mẫu đúc lập phương 15x15x15).

BT 15MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.070.000 đồng.

BT 20MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.120.000 đồng.

BT 25MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.170.000 đồng

BT 30MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.220.000 đồng.

BT 35MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.270.000 đồng.

BT 40MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.320.000 đồng

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 696/2019/HĐKT/TGN TGN (v/v cung cấp bê tông thương phẩm) ngày 26/7/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung: ... “bê tông thương phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Công ty CP siêu thị vật liệu xây dựng T: Bê tông thương phẩm (mẫu đúc lập phương 15x15x15)

BT 15MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.060.000 đồng

BT 20MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.110.000 đồng

BT 25MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.160.000 đồng

BT 30MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.210.000 đồng

BT 35MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.260.000 đồng

BT 40MPa – TCVN, độ sụt 10#, khối lượng tạm tính m^3 theo khối lượng thực tế cung cấp, đơn giá (đ/ m^3) 1.310.000 đồng...”

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/5/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 75.535.000 đồng...”; ngày 31/5/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 8.850.000 đồng...”; ngày 22/6/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 3.080.000 đồng...”; ngày 30/6/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 84.090.000 đồng...”; ngày 01/8/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 38.540.000 đồng...”; ngày 01/9/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 203.950.000 đồng...”; ngày 23/10/2020 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 73.160.000 đồng...”; ngày 31/10/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 10.700.000 đồng...”; ngày 31/10/2019 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 94.000 đồng...” và ngày 14/4/2020 có nội dung: “... nguyên đơn xuất hóa đơn bán hàng cho bị đơn với số tiền là 19.300.000 đồng...”

Thực hiện hợp đồng mua bán, theo đại diện nguyên đơn trình bày; tổng số hàng hóa nguyên đơn bán cho bị đơn là 611.565.000 đồng và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 300.000.000 đồng và ngưng không thực hiện tiếp số tiền gốc còn lại là 311.565.000 đồng; căn cứ vào sao kê tài khoản ngày 28/7/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào các ngày 01/6/2019, 28/8/2019, 30/9/2019, 07/10/2019, 21/10/2019, 04/11/2019 bị đơn thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (mỗi đợt thanh toán 50.000.000 đồng); còn lại số tiền 311.565.000 đồng bị đơn chưa thực hiện, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền lãi tạm tính (8%/năm) đến ngày 15/12/2020 là 28.287.190 đồng theo hợp đồng mua bán các bên ký kết quy định là 1,5%/tháng (nhưng trong quá trình

giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là 8%/năm) là có lợi cho bị đơn, nên được ghi nhận.

[2.3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể: Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn thiếu là 311.565.000 đồng và tiền lãi tạm tính (8%/năm) đến ngày 15/12/2020 là 28.287.190 đồng; tổng cộng số tiền là 339.852.190 đồng.

[3]. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trong vụ án dân sự: 16.992.610 đồng bị đơn phải chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Buộc bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T số tiền gốc còn thiếu là 311.565.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/12/2020 là 28.287.190 đồng; tổng cộng số tiền là 339.852.190 đồng; thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 16.992.610 (mười sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm mười) đồng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần siêu thị vật liệu xây dựng T số tiền 8.632.523 (tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm hai mươi ba) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0057449 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa, đổi bổ sung một số Điều năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Tình